

THÔNG TƯ

Thông tư hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 258/2005/QĐ-TTg ngày 19/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương tại Công văn số 7334/BCT-ĐTĐL ngày 20/8/2008, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực như sau:

I- ĐỐI TƯỢNG THU VÀ MỨC THU

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực. Trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thì áp dụng mức thu bằng 50% mức thu quy định tương ứng với cấp mới.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực thuộc các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy định điều kiện, trình tự và thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và quản lý sử dụng giấy phép hoạt động điện lực ban hành kèm theo Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phải nộp phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực theo quy định tại Thông tư này.

3. Phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực được thu bằng tiền Việt Nam. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu nộp bằng ngoại tệ thì thu bằng tiền đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu tiền.

II- TỔ CHỨC THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

1. Cơ quan nhà nước có chức năng thẩm định điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực là cơ quan thu phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực theo quy định tại Thông tư này.

2. Mọi tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực phải nộp phí thẩm định. Không hoàn trả phí thẩm định trong trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực.

3. Phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép trong lĩnh vực điện lực là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

a) Cơ quan thu phí, lệ phí được để lại 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí cho công việc thu phí bao gồm:

- Chi phí đi kiểm tra điều kiện cấp phép thực tế tại cơ sở (chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú) theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành và chi phí thuê chuyên gia tư vấn thực hiện các công việc thẩm định; chi trả thù lao làm việc ngoài giờ cho công chức, cán bộ đảm nhiệm công việc thẩm định điều kiện cấp giấy phép theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Chi trực tiếp cho việc thu phí, lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, mua sắm vật tư, nguyên liệu, thuê phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thẩm định và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu phí, lệ phí;

- Chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên liên quan đến việc thực hiện công việc thẩm định và thu phí trong đơn vị theo nguyên tắc bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn hoặc bằng năm trước.

Cơ quan thu phí, lệ phí phải sử dụng đúng mục đích số tiền chi cho công việc thu phí được quy định tại điểm a khoản này. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền chưa chi hết được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo chế độ quy định.

b) Cơ quan thu phí có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước 10% (mười phần trăm) trên tổng số tiền phí thẩm định và 100% tiền lệ phí cấp giấy phép

thực thu được theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Trường hợp các tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực trước khi Thông tư này có hiệu lực và nhận được Giấy phép hoạt động điện lực tại thời điểm khi Thông tư này có hiệu lực phải nộp đồng thời phí thẩm định và lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực khi nhận được Giấy phép theo quy định.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Thông tư này thay thế Thông tư số 89/2003/TT-BTC ngày 17/9/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

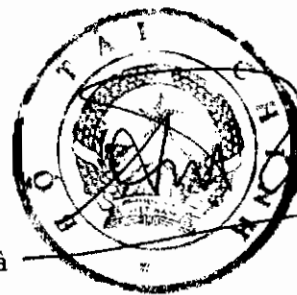
3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực và đối tượng nộp phí, lệ phí có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. / *km*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho Bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Điều tiết điện lực;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (3).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH VÀ LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP
TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 124/2008/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**I. PHÍ THẨM ĐỊNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÓ ĐIỀU KIỆN
TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP**

TT	Nội dung công việc thu phí	Mức thu (đồng)
A	Thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của cơ quan Trung ương	
I	Tư vấn chuyên ngành điện lực	10.400.000
II	Hoạt động phát điện	
1	Công trình nhà máy thủy điện	
1.1	Công suất đặt dưới 10 MW	10.600.000
1.2	Công suất đặt từ 10 MW đến dưới 30 MW	15.000.000
1.3	Công suất đặt từ 30 MW đến dưới 100 MW	18.000.000
1.4	Công suất đặt từ 100 MW đến dưới 300 MW	24.500.000
1.5	Công suất đặt từ 300 MW trở lên	28.800.000
2	Công trình nhà máy nhiệt điện	
2.1	Công suất đặt dưới 50 MW	17.800.000
2.2	Công suất đặt từ 50 MW đến dưới 100 MW	21.900.000
2.3	Công suất đặt từ 100 MW trở lên	28.800.000
III	Hoạt động truyền tải điện	24.900.000
IV	Hoạt động phân phối điện	
1	Tổng chiều dài đường dây dưới 1.000 km hoặc Tổng dung lượng trạm biến áp dưới 300 MVA	12.100.000
2	Tổng chiều dài đường dây từ 1.000 km đến dưới 2.000 km hoặc Tổng dung lượng trạm biến áp từ 300 MVA đến dưới 600 MVA	13.700.000
3	Tổng chiều dài đường dây từ 2.000 km đến dưới 3.000 km hoặc Tổng dung lượng trạm biến áp từ 600 MVA đến dưới 1.000 MVA	18.800.000

TT	Nội dung công việc thu phí	Mức thu (đồng)
4	Tổng chiều dài đường dây từ 3.000km trở lên hoặc Tổng dung lượng trạm biến áp từ 1.000MVA trở lên	21.800.000
V	Hoạt động xuất khẩu điện	
1	Công suất dưới 10 MW	9.700.000
2	Công suất từ 10 MW đến dưới 100 MW	12.100.000
3	Công suất từ 100 MW đến dưới 300 MW	16.200.000
4	Công suất từ 300 MW trở lên	19.200.000
VI	Hoạt động bán buôn điện	19.200.000
VII	Hoạt động bán lẻ điện	
1	Điện năng thương phẩm tiêu thụ dưới 10 GWh/tháng	9.700.000
2	Điện năng thương phẩm tiêu thụ từ 10 GWh/tháng đến dưới 50 GWh/tháng	12.500.000
3	Điện năng thương phẩm tiêu thụ từ 50 GWh/tháng trở lên	16.700.000
B	Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
1	Tư vấn chuyên ngành điện lực	800.000
2	Hoạt động phát điện	2.100.000
3	Hoạt động phân phối điện tại nông thôn	800.000
4	Hoạt động bán lẻ điện tại nông thôn	700.000

Ghi chú:

1. Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau:

$$P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$$

Trong đó: - P_1 : Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép (được quy định tại mục I Phụ lục nêu trên);

- P_i : Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại;

- 0,4: Hệ số điều chỉnh.

2. Riêng đối với Giấy phép hoạt động phát điện: Phí thẩm định được nộp 2 lần như sau:

- Lần thứ nhất nộp 50% mức phí thẩm định điều kiện cấp phép như quy định khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực;

- Lần thứ hai nộp 50% mức phí thẩm định điều kiện cấp phép còn lại khi tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ đề nghị cấp hoàn chỉnh giấy phép hoạt động điện lực.

3. Đối với việc thẩm định và cấp giấy phép hoạt động lĩnh vực phân phối điện: trường hợp Tổng chiều dài đường dây và Tổng dung lượng trạm biến áp không nằm trong cùng một mức thu theo mục IV Biểu mức thu nêu trên thì áp dụng mức thu phí thẩm định tương ứng với Tổng chiều dài đường dây hoặc Tổng dung lượng trạm biến áp có mức thu phí cao hơn.

Ví dụ: Đơn vị đề nghị thẩm định cấp giấy hoạt động lĩnh vực phân phối điện có Tổng chiều dài đường dây lớn hơn 3000 km nhưng có Tổng dung lượng trạm biến áp nhỏ hơn 300 MVA thì xác định mức phí thẩm định theo Tổng chiều dài đường dây lớn hơn 3000 km, mức phí thẩm định là 21.8000.000đồng.

II. LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

Mức thu lệ phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực là: 300.000 đồng cho một giấy phép do cơ quan Trung ương cấp./.